

BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên cơ sở sản xuất/ nhập khẩu: CÔNG TY TNHH TM XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG THÀNH PHÁT
- 1.2. Địa chỉ: 800 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thành, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam
- 1.3. Loại xe phương tiện: Xe mô tô 2 bánh /~~Xe gắn máy 2 bánh~~/loại xe khác⁽⁺⁾:
- 1.4. Nhân hiệu: HONDA
- 1.5. Tên thương mại: VARIO 150
- 1.6. Mã kiểu loại (Số loại): X1H02N35S3 A/T; X1H02N35S3A A/T; X1H02N35S3B A/T
- 1.7. Số giấy chứng nhận⁽²⁾: 21KXM/271500; 21KXM/271727; 21KXM/279043
- 1.8. Số Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 4470/NETC-M/21/C ngày 03 tháng 03 năm 2021

2. Thông số kỹ thuật của Xe

- 2.1. Khối lượng bản thân: 112 (kg)
- 2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 234 (kg)
- 2.3. Động cơ
 - 2.3.1. Kiểu động cơ: KF41E Loại động cơ: 4 kỳ, 1 xi lanh, làm mát bằng chất lỏng.
 - 2.3.2. Thể tích làm việc (Dung tích xy lanh): 149,32 cm³.
 - 2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: 9,7 kW/ 8500 rpm
- 2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: ~~Chế hòa khí~~/ phun nhiên liệu/~~khác~~⁽¹⁾
- 2.5. Hộp số
 - 2.5.1. Điều khiển: ~~Cơ khí~~/Tự động⁽¹⁾
 - 2.5.2. Số lượng tỷ số truyền: Vô cấp.
 - 2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số:/...../...../...../...../.....
- 2.6. Tỷ số truyền cuối cùng: 9,965.
- 2.7. Lốp
 - 2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 90/80-14M/C áp suất lốp: 200 kPa



2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trực 2: 100/80-14M/C áp suất lốp: 225 kPa

2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định:km/h

3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu

3.1. Chu trình thử: TCVN 7357:2010/ TCVN 7358:2010/ TCVN 9726:2013/ ⁽¹⁾

3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 2,277l/100 km

4. Mẫu nhãn năng lượng công khai



5. Ghi chú (nếu có):

TP Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 06 năm 2021.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI
XNK ĐÔNG THÀNH PHÁT



Giám Đốc
Vũ Văn Hiền

Ghi chú:

⁽¹⁾ Gạch ngang phần không áp dụng.

⁽²⁾ Đối với xe sản xuất, lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại

Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu thử nghiệm.